TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 27 - 6 - 2019
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Hằng

Ông Nguyễn Văn Phụng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST- DS, ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị O, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp B, xã T2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Điều Thanh L, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Điều Thanh L: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị O trình bày:

Ngày 24/3/2018 âm lịch, chị có cho chị Trần Thị Tuyết H vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tiền lãi mỗi tháng đóng là 6.000.000 đồng), sau 03 tháng thì chị H sẽ trả cho chị tiền vốn. Đối với số tiền này chị H đã đóng tiền lãi cho chị được 05 tháng với số tiền 30.000.000 đồng thì ngưng đóng tiền lãi. Đến ngày 08/7/2018, chị H có mượn thêm của chị 67.000.000 đồng và chị H cũng hứa 03 tháng sau sẽ trả lại cho chị, số tiền này chỉ cho mượn không có tính lãi. Đến ngày 11/7/2018 âm lịch, chị H bỏ đi, sau đó chị H quay trở về và cho đến nay chị H cũng không có trả số tiền nêu trên cho chị. Như vậy, tổng số tiền mà chị H vay và mượn của chị là 127.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2018 âm lịch, chị có làm đầu thảo 01 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 31 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần và đã hốt. Chị H đóng hụi chết cho chị đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng. Dây hụi này sẽ kết thúc vào ngày 20/10/2020.

Ngày 10/5/2018 âm lịch, chị có làm đầu thảo 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 26 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần và đã hốt. Chị H đóng hụi chết cho chị đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Dây hụi này sẽ kết thúc vào ngày 10/6/2020.

Ngày 30/3/2018 âm lịch, chị có làm đầu thảo 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 26 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần và đã hốt. Chị H đóng hụi chết cho chị đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Dây hụi này sẽ kết thúc vào ngày 30/4/2020.

Ngày 30/4/2017, chị Trần Thị Tuyết H mua rượu của chị còn thiếu với số tiền là 2.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 03 dây hụi chị đã đóng hụi chết thay cho chị H tính đến tháng 01/2019 âm lịch là 35.000.000 đồng, cộng với số tiền vay, tiền mượn và tiền mua rượu thì chị H còn thiếu chị với tổng số tiền là 164.000.000 đồng.

Theo như đơn khởi kiện trước đây, chị yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Tuyết H trả cho chị số tiền vay, tiền mượn, tiền hụi và tiền mua rượu với tổng số tiền là 164.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu đồng*). Tuy nhiên, xét thấy việc chị H vay tiền, mượn tiền và chơi hụi do chị cho vay, cho mượn và làm đầu thảo có liên quan đến chồng của chị H là anh Điều Thanh L. Vì việc chị H sử dụng số tiền nêu trên cũng là để chi tiêu trong sinh hoạt gia đình của chị H. Do đó, chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc vợ chồng chị Trần Thị Tuyết H và anh Điều Thanh L phải liên đới trả cho chị số tiền hụi 35.000.000 đồng mà chị đã

đóng hụi chết thay cho chị H trong vòng 5 tháng trở lại; còn đối với số tiền mượn, tiền vay và tiền mua rượu tổng số tiền 127.000.000 đồng thì chị yêu cầu chị H và anh L liên đới trả cho chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019, ngày 04/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Tuyết H, đồng thời chị H cũng là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng của chị H) trình bày:

Về thời gian, số tiền vay, số tiền mượn, số tiền hụi và số tiền mua rượu mà chị Võ Thị O cho chị vay, cho mượn, số tiền mua rượu còn thiếu cũng như chị O làm đầu thảo (mà chị tham gia hụi viên) là đúng như đơn khởi kiện cũng như lời trình bày và yêu cầu của chị O. Chị thống nhất tính đến tháng 01/2019 âm lịch, chị còn thiếu chị O tổng số tiền là 164.000.000 đồng. Trong đó, tiền vay là 60.000.000 đồng, số tiền mượn 67.000.000 đồng, số tiền của 03 dây hụi do chị O làm đầu thảo (chị là hụi viên) là 35.000.000 đồng, tiền mua rượu mà chị còn thiếu chị O 2.000.000 đồng, tổng các khoản tiền nêu trên là 164.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của chị hiện nay đang gặp khó khăn, hơn nữa chị cũng còn thiếu nợ nhiều người khác nên chị xin trả dần mỗi tháng cho chị O là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không có khả năng trả theo như lời yêu cầu của chị O. Việc chị vay tiền, mượn tiền, tham gia chơi hụi do chị O cho vay, cho mượn và làm đầu thảo các dây hụi, mục đích chị sử dụng số tiền nêu trên là để chi tiêu trong gia đình như: Đi đám tiệc, mua đồ sinh hoạt trong gia đình, trả nợ, điều trị bệnh cho chồng của chị là anh L và các khoản sinh hoạt khác trong gia đình thì chồng chị là anh L không hay biết. Cho nên, chị đồng ý trả một mình mà không đề nghị Tòa án buộc anh L cùng trả nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Việc nguyên đơn chị Võ Thị O yêu cầu bị đơn Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L trả cho chị Oanh tiền vay, số tiền của 03 dây hụi do chị O làm đầu thảo (chị H là hụi viên), cũng như số tiền mua rượu còn thiếu, tổng cộng các khoản tiền nêu trên là 164.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay, tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán

trong hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Các đương sự đều thừa nhận:

Ngày 24/3/2018 âm lịch, chị Võ Thị O có cho chị Trần Thị Tuyết H vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tiền lãi mỗi tháng đóng là 6.000.000 đồng), sau 03 tháng thì chị H sẽ trả cho chị O tiền vốn. Đối với số tiền này chị H đã đóng tiền lãi cho chị O được 05 tháng với số tiền 30.000.000 đồng thì ngưng đóng tiền lãi. Đến ngày 08/7/2018, chị H có mượn thêm của chị O số tiền 67.000.000 đồng và chị H cũng hứa 03 tháng sau sẽ trả lại cho chị O (không tính lãi suất). Đến ngày 11/7/2018 âm lịch, chị H bỏ đi, sau đó chị H quay trở về và cho đến nay chị H cũng chưa trả số tiền nêu trên cho chị O của 02 khoản tiền trên là 127.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2018 âm lịch, chị O có làm đầu thảo 01 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 31 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần và đã hốt. Chị H đóng hụi chết cho chị O đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị O đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng. Dây hụi này sẽ kết thúc vào ngày 20/10/2020.

Ngày 10/5/2018 âm lịch, chị O có làm đầu thảo 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 26 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần và đã hốt. Chị H đóng hụi chết cho chị O đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị O đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Dây hụi này sẽ kết thúc vào ngày 10/6/2020.

Ngày 30/3/2018 âm lịch, chị O có làm đầu thảo 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 26 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần và đã hốt. Chị H đóng hụi chết cho chị O đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị O đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Dây hụi này sẽ kết thúc vào ngày 30/4/2020.

Ngày 30/4/2017, chị Trần Thị Tuyết H mua rượu của chị O còn thiếu với số tiền là 2.000.000 đồng.

Các tình tiết, sự kiên nêu trên các bên đương sự đều thừa nhận, nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Tuyết H thừa nhận có vay tiền của chị Võ Thị O, có tham gia chơi hụi do chị O làm đầu thảo cũng như còn thiếu tiền mua rượu đúng như đơn khởi kiện, lời trình bày và yêu cầu của chị O. Chị H thừa nhận tính đến tháng 01/2019 âm lịch thì chị còn thiếu chị Oanh tổng cộng 164.000.000 đồng của ba khoản tiền nêu trên.

[4] Xét về nghĩa vụ trả nợ vay, nghĩa vụ của thành viên góp hụi, nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản, chị H đã vi phạm vào các điều 280, 463, 466 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 20, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, nguyên đơn chị Võ Thị O yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H trả tiền vay, tiền nợ hụi, tiền còn thiếu trong hợp đồng mua bán tài sản tổng cộng 164.000.000 đồng là có cơ sở.

[5] Việc chị Trần Thị Tuyết H cho rằng hoàn cảnh kinh tế của gia đình chị đang gặp khó khăn, xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Yêu cầu này của chị H, phía nguyên đơn chị O không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét.

[6] Xét việc nguyên đơn chị Võ Thị O yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng của chị H) cùng với bị đơn chị Trần Thị Tuyết H liên đới thanh toán ba khoản tiền nêu trên là 164.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị H vay tài sản, chơi hụi do chị O cho vay và làm đầu thảo, cũng như chị H mua rượu của chị O chưa thanh toán, mục đích chị H sử dụng các khoản tiền này là để chi tiêu trong gia đình (trong đó có khoản tiền điều trị bệnh cho anh L). Do đó, đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên yêu cầu của chị O là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cho nên, cần buộc anh Điều Thanh L và chị Trần Thị Tuyết H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho chị Oanh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn chị Võ Thị O khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 164.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với những khoản tiền hụi chết mà chị Võ Thị O đã góp thay cho chị Trần Thị Tuyết H phát sinh sau tháng 01/2019 âm lịch, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị O không có yêu cầu chị Trần Thị Tuyết H thanh toán sẽ được xem xét bằng vụ án khác nếu sau này chị O có đơn yêu cầu.

[9] Đối với số tiền lãi 30.000.000 đồng mà chị H cho rằng đã trả cho chị O được 05 tháng của số tiền vốn vay 60.000.000 đồng (vay vào ngày 24/3/2018 âm lịch), trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H không có yêu cầu Tòa án xem xét lại cho nên Hội đòng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 20, Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 16, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị O về việc yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng chị H) có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Oanh số tiền vay 127.000.000 đồng, tiền hụi do chi Hạnh chưa góp là 35.000.000 đồng và tiền mua rượu mà chị H còn thiếu là 2.000.000 đồng, tổng cộng của ba khoản tiền nêu trên tính đến tháng 01/2019 âm lịch là 164.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu đồng)*.

- Buộc bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L liên đới thanh toán cho chị Võ Thị O tổng số tiền là 164.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu đồng)*.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L liên đới chịu 8.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn Chị Võ Thị O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.100.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000690 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CLD.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Võ Thị O có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị Trần Thị Tuyết H và anh Điều Thanh L còn phải liên đới trả lãi cho chị O theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Đua